

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST

Ngày 14/01/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng **vay tài sản**”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Viết Ân, bà Trương Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chinh là Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 187/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 132/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Phan Thành N, sinh năm 1980;

Cư trú: tổ D, ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Huy V, sinh năm 1986;

địa chỉ: số I N, tổ B, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Võ H, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: ấp F, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Bên nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tự khai và ý kiến bên nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng:*

Nguyên đơn và bị đơn có lập văn bản hợp đồng vay tiền như sau:

Ngày 21/7/2022 tại địa bàn hành chính xã S, C, Đồng Nai: Nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng vay tiền, bị đơn đã nhận tiền vay của nguyên đơn 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay 01 tháng, kể từ ngày 21/7/2022.

Ngày 23/8/2022 cũng tại địa bàn xã S, C, Đồng Nai: Nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng vay tiền, bị đơn đã nhận tiền vay của nguyên đơn 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thời hạn vay 01 tháng, kể từ ngày 23/8/2022.

Bị đơn đã nhận tiền vay là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Thời hạn trả tiền đã quá hạn nhưng bị đơn không trả tiền vay theo cam kết. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền vay, nhưng bị đơn không có thiện trí để trả lại tiền vay của nguyên đơn.

Tài sản tranh chấp trong vụ án là tài sản riêng của nguyên đơn nên khởi kiện đối với bị đơn tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, đề nghị xem xét giải quyết: Buộc bị đơn phải trả lại nguyên đơn số tiền vay gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tiền vay do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 24/9/2022 (đối với 500.000.000 đồng) tính đến ngày 24/10/2024 (02 năm 01 tháng) là 104.000.000 đồng. Tổng cộng tiền vay tính đến nay, bị đơn phải trả nguyên đơn là 604.000.000đ (sáu trăm lẻ bốn triệu đồng).

** Đối với bị đơn:*

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia tố tụng nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Kiểm sát viên có ý kiến đề nghị như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bên bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

- Về giải quyết vụ án:

Căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 21/7/2022, ngày 23/8/2022 do nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn vay của nguyên đơn 500.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 21/7/2022 đến ngày 23/9/2023. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là có căn cứ.

Đối với tiền lãi suất 10%/năm tính từ ngày bị đơn chậm trả 24/9/2023 trên tổng số tiền 500.000.000 đồng là phù hợp khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả lại 500.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất 10%/năm đối với nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

** Về chứng cứ vụ án:*

Tòa án đã công khai toàn bộ chứng cứ có trong hồ vụ án và thông báo về tài liệu, chứng cứ của vụ án đã tổng đạt đến các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án:

[1] Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án, về người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án:

Bị đơn có nơi cư trú tại xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên tòa sơ thẩm. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt đương sự. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 02 ngày 03/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai đã công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bà Chè Huyền N1, đến nay các đương sự không có tranh chấp về tài sản chung nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp, sau này có tranh chấp tài sản chung thì các đương sự có quyền khởi kiện theo quy định pháp luật.

* Bên bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự và chứng cứ đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

Theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “ Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

* Bên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền vay nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 24/9/2022.

Qua ý kiến trình bày của các đương sự trong vụ án và chứng cứ của các bên cung cấp chứng minh đối với ý kiến của các bên đương sự, đối với thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn tại các văn bản hợp đồng vay tiền là phù hợp Điều 463, Điều 689 của Bộ luật dân sự năm 2015

Đến nay bị đơn không trả đủ tiền vay của nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo hợp đồng, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện là phù hợp Điều 186, điểm g khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Bị đơn nhận tiền vay để sử dụng là hợp pháp, tiền này là tài sản riêng của nguyên đơn. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền lãi, tiền vay nợ gốc theo hợp đồng nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 158 của Bộ luật dân sự năm 2015

Hội đồng xét xử đánh giá chứng như trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền vay đối với nguyên đơn là 604.000.000 đồng (sáu trăm lẻ bốn triệu đồng) (có tiền vay nợ gốc là 500.000.000 đồng).

[3] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm là 30.120.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 186, điểm g khoản 4 Điều 189, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 158, 463, 466, 468, 470, 689 của Bộ luật dân sự năm 2015 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn ông Võ H phải có trách nhiệm trả tiền vay là 604.000.000 đồng (sáu trăm lẻ bốn triệu đồng) đối với nguyên đơn ông Phan Thành N

2. Về án phí:

Bị đơn phải chịu 30.120.000đ (ba mươi triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000475 ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

* Về trách nhiệm thi hành án dân sự:

Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả người được thi hành án) đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tổng đạt Bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện CM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: HSVA, cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính